

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 20 – 6 – 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Di

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thiên Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2019/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu H, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố HT, thị trấn LH, huyện LĐ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố HB, thị trấn LH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Trương Thị Thu H tại Tòa án:

Bà Trương Thị Thu H và ông Nguyễn Hoàng T quen nhau được một thời gian thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 03/9/2013. Bà H cho rằng vợ chồng chung sống với nhau chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, ông T thường đi chơi qua đêm không về nhà nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông, bà đã ly thân từ năm 2014 đến nay không

còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/9/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Đ sống với bà H. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Hoàng T để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, không tới Tòa án làm việc. Theo sự xác nhận của Công an thị trấn LH, huyện LD thì ông Nguyễn Hoàng T hiện đang cư trú tại khu phố HB, thị trấn LH, huyện LD.

Tòa án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH và tại nhà ông T tại tổ khu phố HB, thị trấn LH, huyện LD nhưng ông T cũng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông T và được nuôi dưỡng con chung.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn với ông T; Về con chung: Giao cháu Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Hoàng T có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại khu phố HB, thị trấn LH, huyện LD. Bà Trương Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T là tranh chấp về hôn nhân gia

đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc giải quyết vụ án; Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, đồng thời được sự đồng ý của hai bên gia đình, bà Trương Thị Thu H và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện tiến tới hôn nhân, vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại thị trấn LH, huyện LD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 03/9/2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số 257/2013. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có lòng tin yêu, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Bà H đưa con về chung sống với cha mẹ ruột tại khu phố HT, thị trấn LH. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn với ông T.

[3] *Về con chung*: Bà H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/9/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Đ sống với bà H. Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần tốt nhất cho cháu Đ, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà H tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thu H về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với ông Nguyễn Hoàng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Bà Trương Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đt, sinh ngày 10/9/2013 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hoàng T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trương Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009871 ngày 10/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn LH, huyện Long Điền.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Nhung